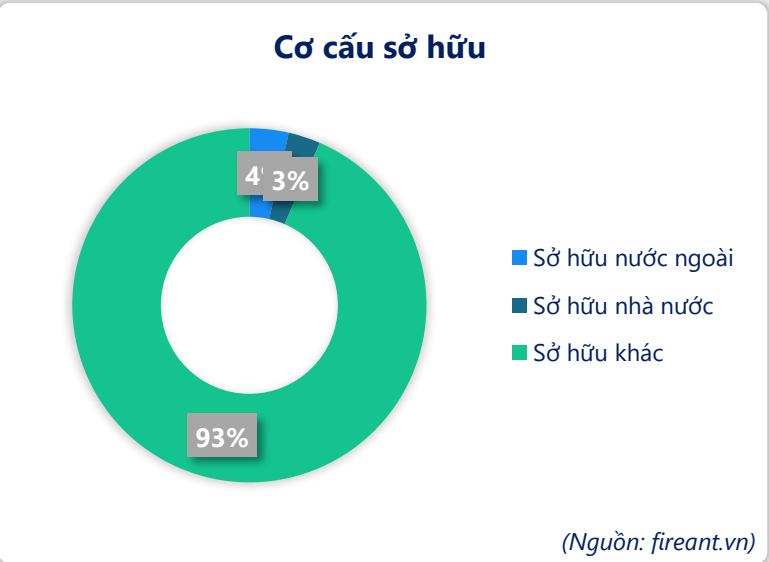
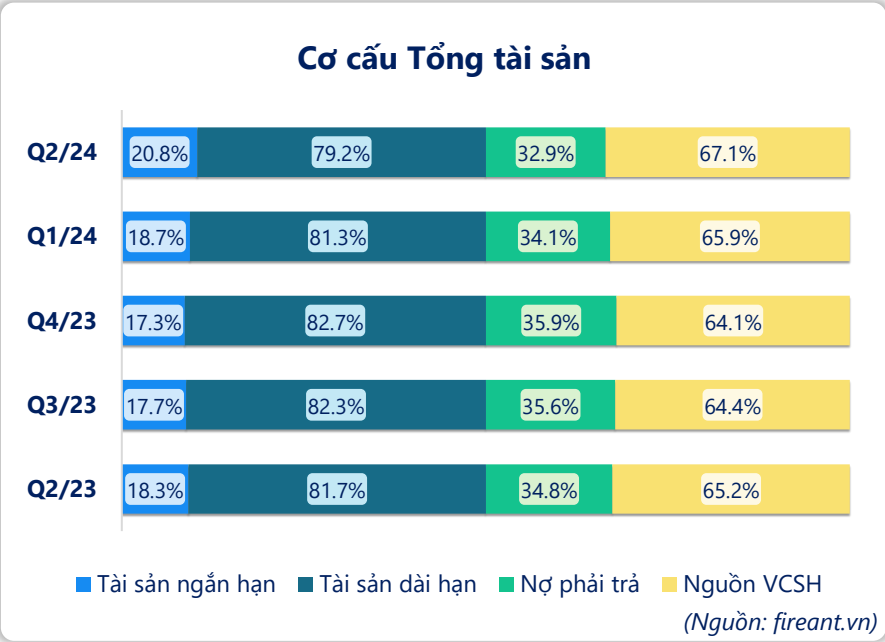
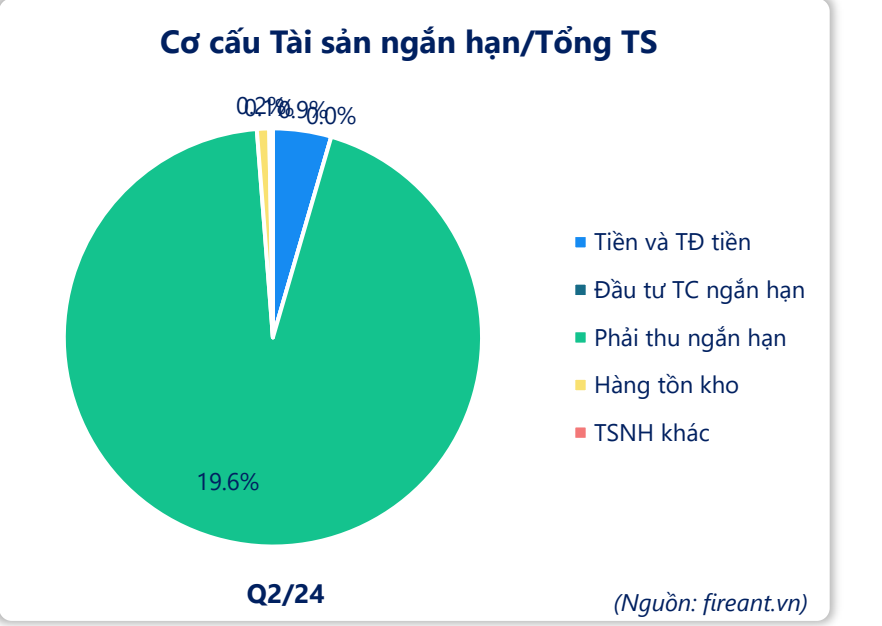
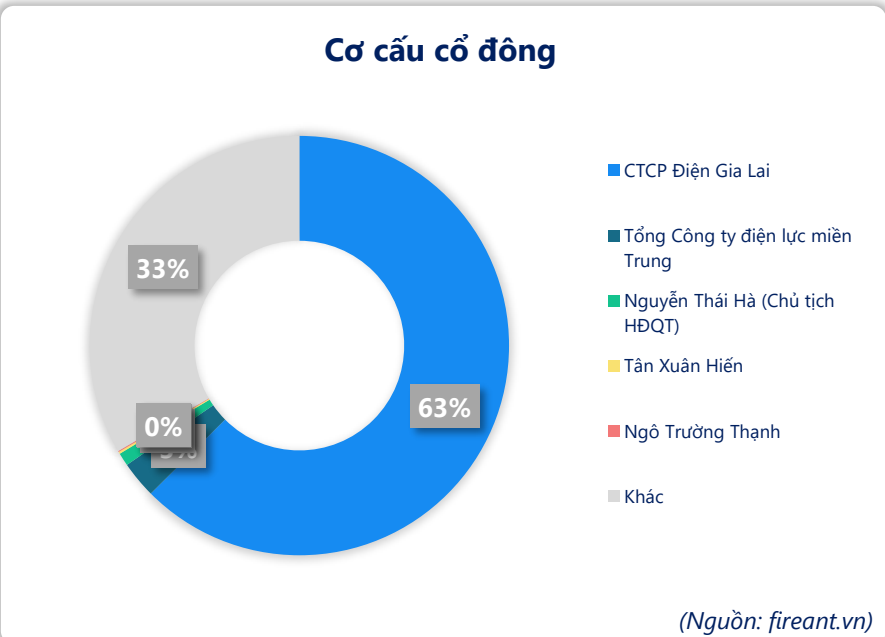
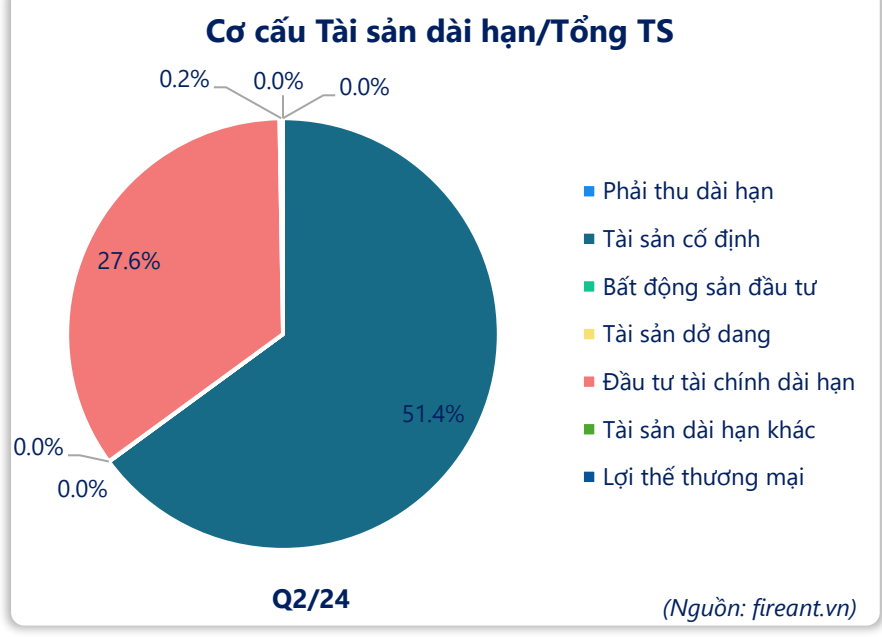
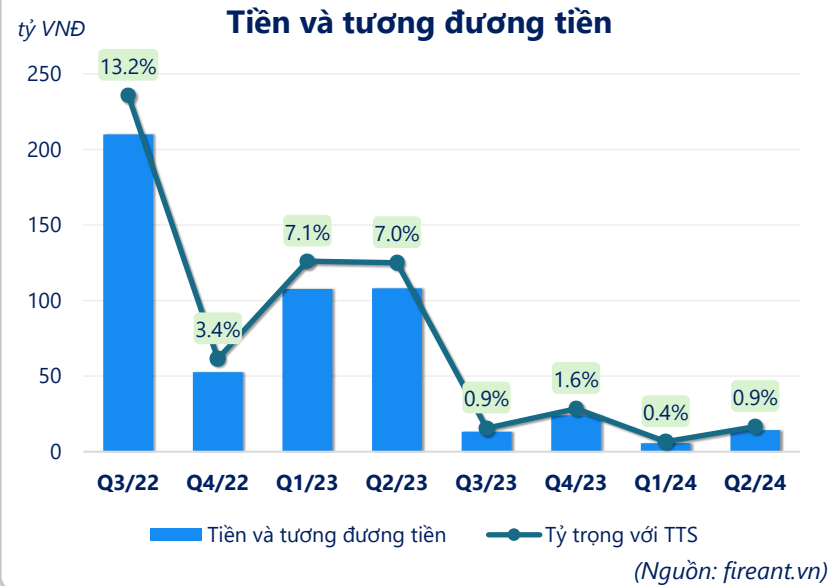
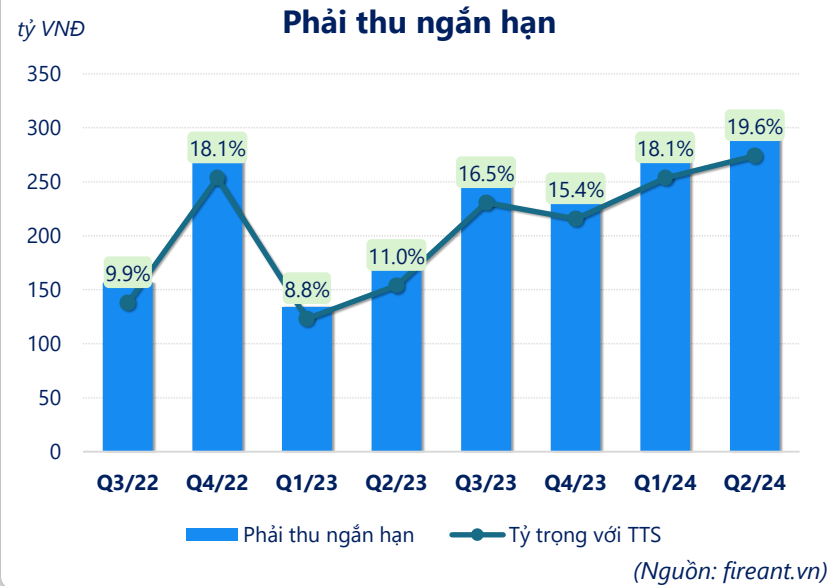
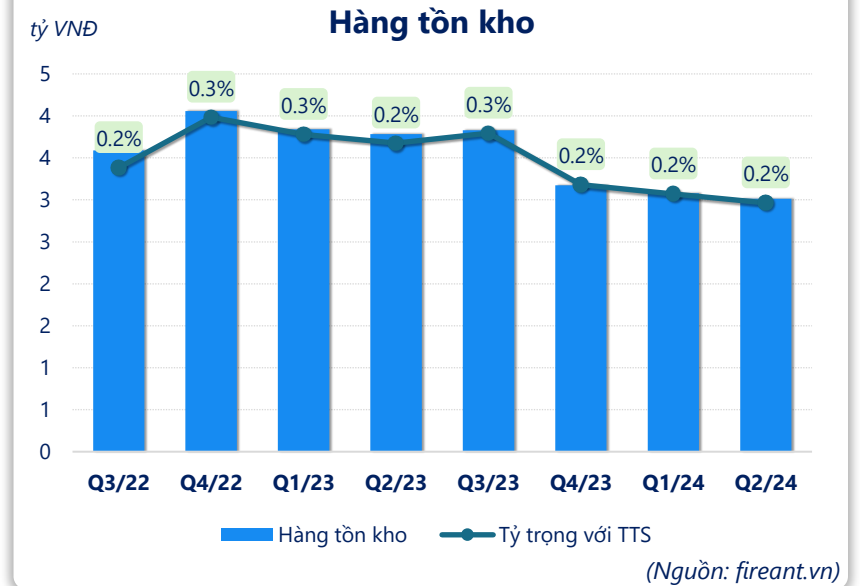
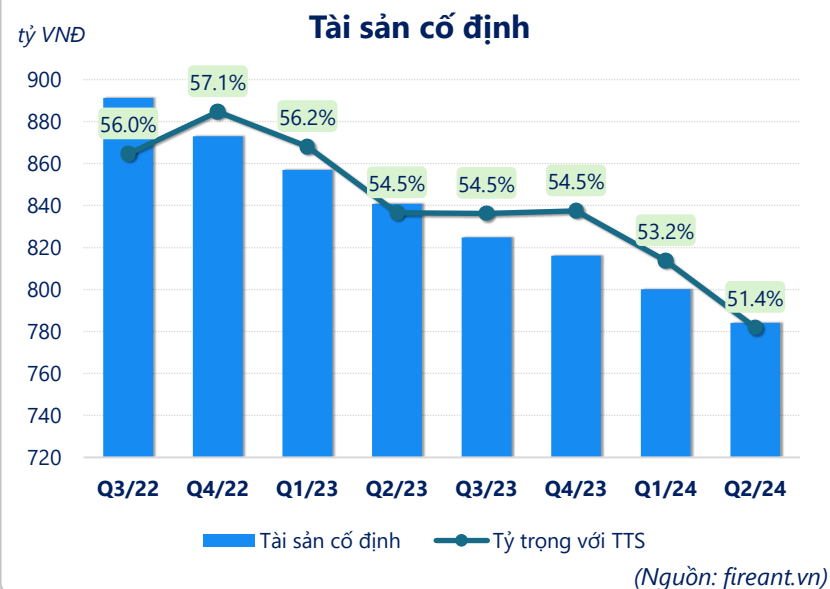
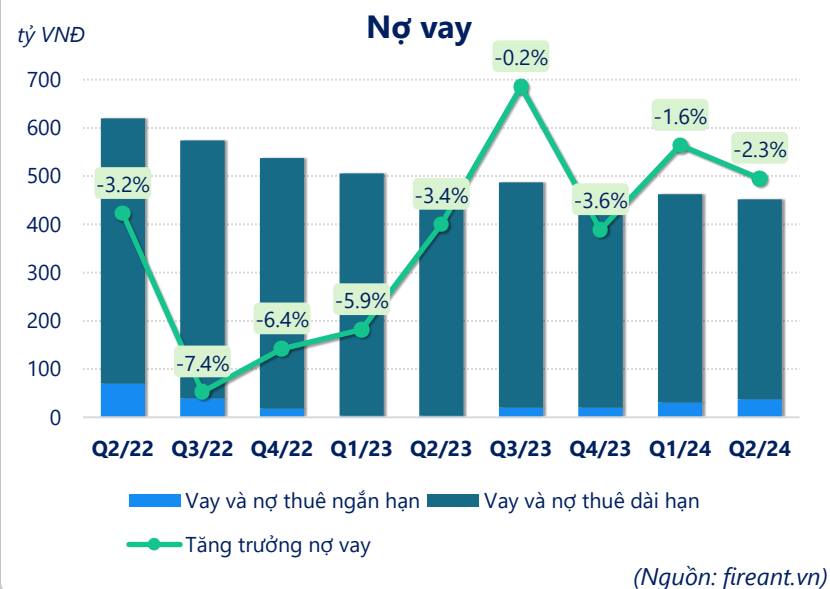
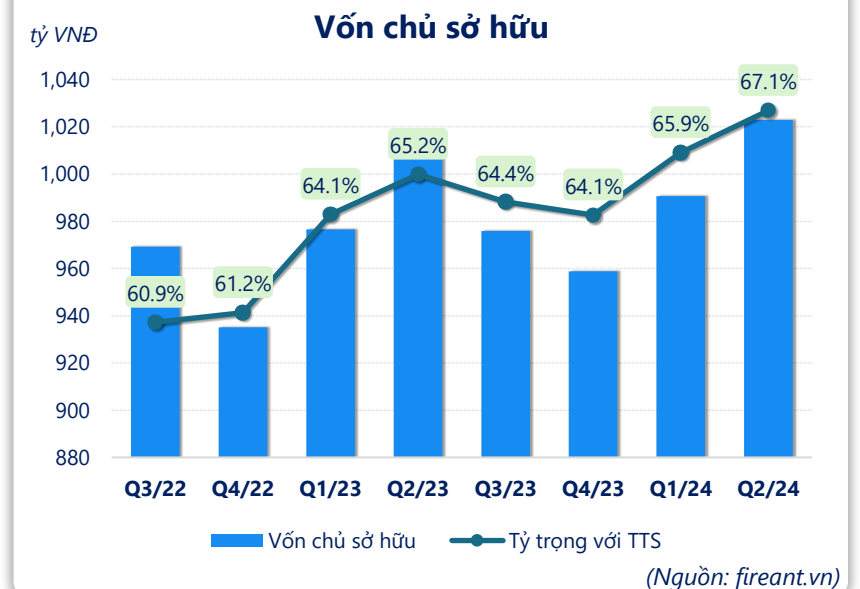
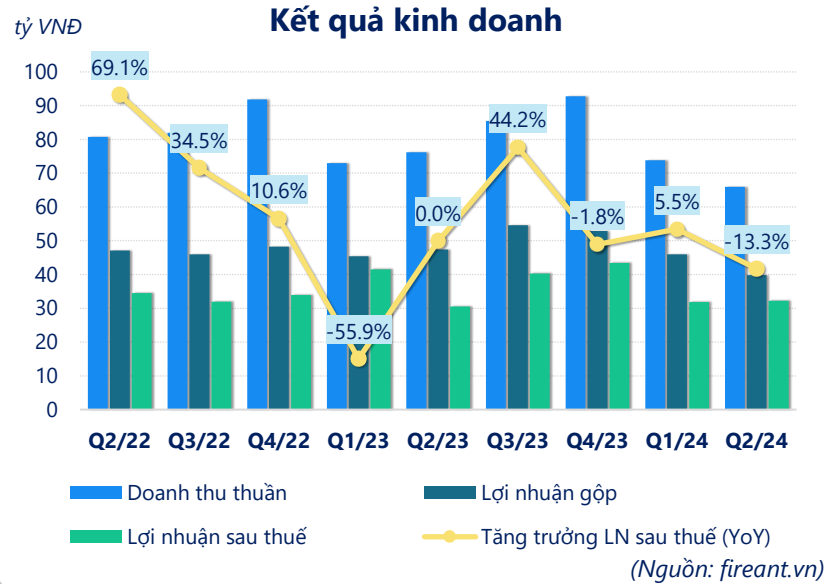
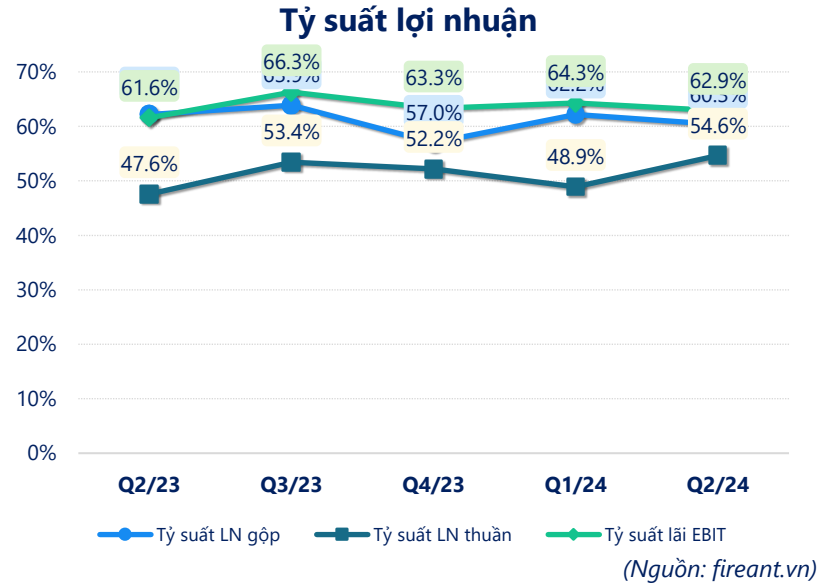
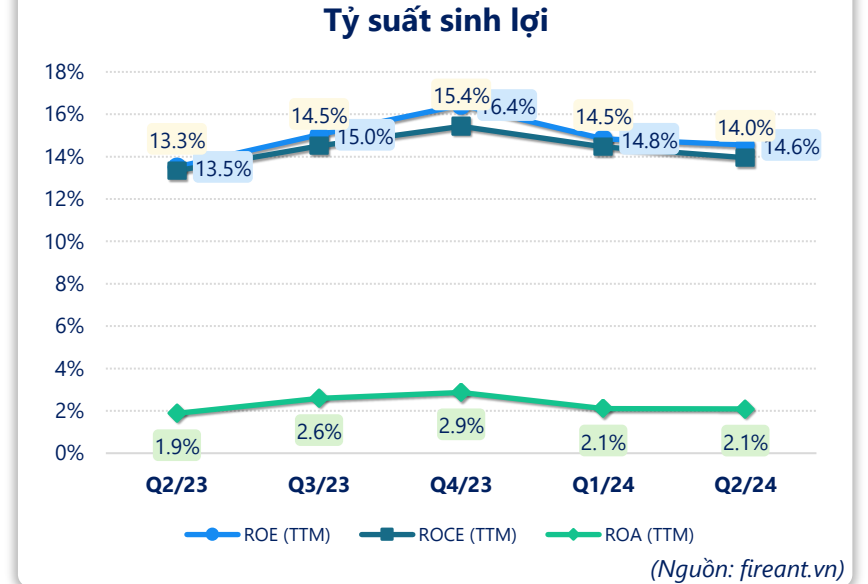
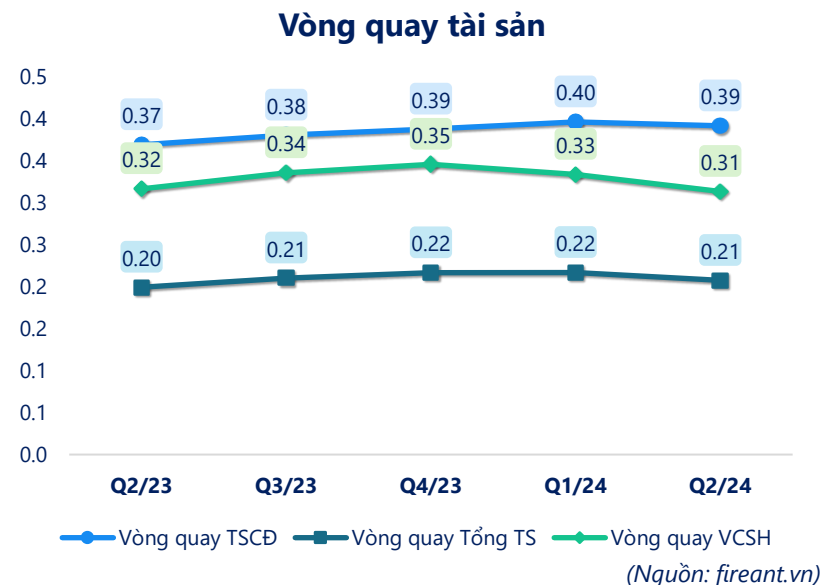
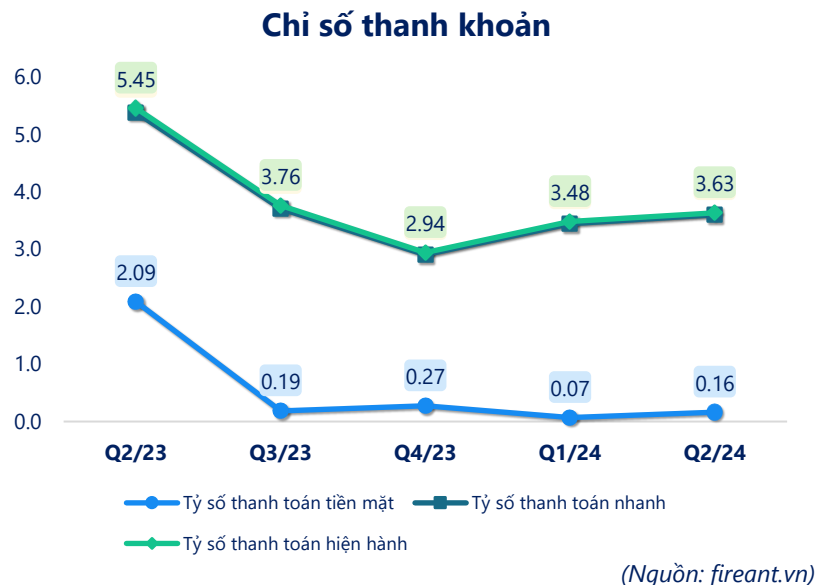
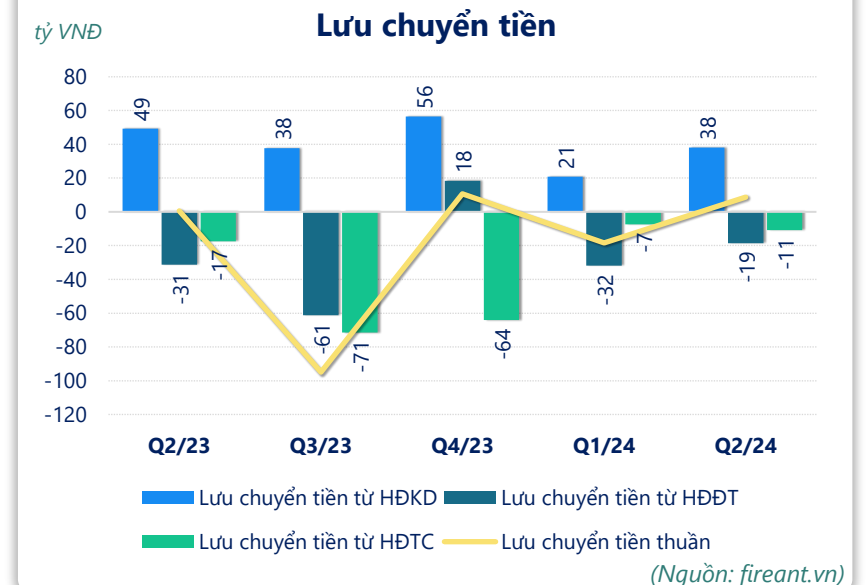


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		30,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,823
SL cổ phiếu LH		47,662,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)		33,485
% sở hữu nước ngoài		3.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,449
P/E		9.8
EPS		3,099

	YTD	1T	3T	6T
GHC	14.7%	-2.6%	2.0%	14.3%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,524	1,497	1.8%
Tài sản ngắn hạn	317	259	22.5%
Tiền và tương đương tiền	14.3	23.9	-40.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	299	231	29.4%
Hàng tồn kho	3.01	3.17	-5.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.89	0.80	11.3%
Tài sản dài hạn	1,208	1,238	-2.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	784	816	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.35	0.35	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	420	420	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.14	1.67	88.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	502	538	-6.8%
Nợ ngắn hạn	87.2	88.0	-0.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	37.3	19.8	88.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.15	1.55	-90.5%
Nợ dài hạn	414	450	-7.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	414	450	-7.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,023	959	6.7%
Vốn chủ sở hữu	1,023	959	6.7%
Vốn điều lệ	477	477	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	76.2	85.5	92.8	73.9	66.0
Giá vốn hàng bán	28.8	30.9	39.9	27.9	26.2
Lợi nhuận gộp	47.4	54.6	52.9	45.9	39.8
Doanh thu HĐTC	3.78	4.34	8.46	3.60	3.95
Chi phí TC	12.1	11.0	9.70	11.4	5.58
Chi phí lãi vay	12.1	11.0	9.70	11.4	5.58
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0.05	0	0.05	-0.05
Chi phí QLDN	2.78	2.23	3.22	1.99	2.17
LN thuần từ HĐKD	36.2	45.6	48.4	36.1	36.0
Lợi nhuận khác	-1.47	0.00	0.59	0.00	-0.16
LN trước thuế	34.8	45.6	49.0	36.1	35.9
Lợi nhuận sau thuế	30.5	40.3	43.4	31.8	32.2
LNST của CĐ cty mẹ	30.5	40.3	43.4	31.8	32.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	49.2	37.8	56.5	20.8	38.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.2	-61.3	18.4	-31.9	-18.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.4	-71.4	-64.1	-7.33	-10.8
Tiền đầu kỳ	108	108	13.3	23.9	5.60
Lưu chuyển tiền thuần	0.50	-94.9	10.7	-18.4	8.67
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.05	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	108	13.3	23.9	5.60	14.3

(Nguồn: fireant.vn)